

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Trần Ngoan.

Ông Trần Quốc Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05-6, 24-6-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Tuấn A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Tuấn A vắng mặt có đơn, chị H vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Bùi Tuấn A: Vào năm 2014, anh Tuấn A và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh H. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng dần về sau cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay anh Tuấn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Anh Bùi Tuấn A yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Tuấn

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Bùi Tuấn A có đơn xin vắng mặt; Bị đơn Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Tuấn A và chị H sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã x, huyện L, tỉnh H ngày 13-6-2014 nên hôn nhân của anh Tuấn A và chị H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa anh Tuấn A và chị H có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm không còn nên anh Tuấn A khởi kiện ly hôn với chị H tại Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị H và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị H không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Bùi Tuấn A cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của anh Bùi Tuấn A nên yêu cầu của anh Bùi Tuấn A là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh Tuấn A và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tuấn A đối với chị Hằng.

[2.2] Về con chung: Không có, anh Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tuấn Anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy anh Bùi Tuấn A chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000596 ngày 02-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Bùi Tuấn A đã nộp đủ án phí. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Tuấn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Không có, anh Bùi Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.
4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Bùi Tuấn A có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000596 ngày 02-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Bùi Tuấn A đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương